

Số: 107 /TTr-UBND

Son Hà, ngày 28 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại thời điểm tháng 10 năm 2022

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1394/SGDĐT-GDTrH, ngày 08/8/2022 về hướng dẫn thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm học 2022-2023;

Để công nhận kết quả duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC) tại các xã, thị trấn trong huyện đến thời điểm tháng 10/2022, UBND huyện Sơn Hà đã ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND, ngày 29/10/2022 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022. Qua kiểm tra, kết quả cụ thể như sau:

I. Về công tác phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi

1. Điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi
(Đánh giá theo qui định tại Điều 3, Chương II Thông tư số 07/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ)

1.1. Về đội ngũ giáo viên và nhân viên:

a) Số giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành (toàn bộ giáo viên MN):

- Có 217/217 giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định, đạt tỷ lệ: 100%.

- Có 14/14 xã/thị trấn có giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định, đạt 100%.

b) Số lượng giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi (theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015):

- Tổng số giáo viên dạy mẫu giáo 5 tuổi: 108/84 lớp; tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,29.

c) Tỷ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo

- Có 108/108 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo, đạt tỷ lệ: 100%.

- Có 14/14 xã/thị trấn có giáo viên đạt trình độ đào tạo về chuyên môn trên chuẩn, đạt 100%.

d) Tỷ lệ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Có 108/108 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đạt tỷ lệ: 100%.

- Có 14/14 xã/thị trấn có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đạt 100%.

đ) Người theo dõi công tác PCGDMNTENT:

- Có 16 người của 16 trường/14 xã, thị trấn được phân công theo dõi công tác PCGDMNTENT.

- Tại huyện (PGD&ĐT) có 01 người được phân công theo dõi công tác PCGDMNTENT của huyện.

Đánh giá điều kiện về giáo viên, nhân viên: **Đạt.**

1.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

a) Hệ thống mạng lưới trường, lớp học được mở tương đối hầu khắp ở các địa bàn thôn, xóm cách xa điểm trường chính đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh đi học. Đáp ứng yêu cầu và đảm bảo an toàn cho trẻ mỗi khi đến trường, lớp, nhất là vào mùa mưa lũ.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Phòng học: Tổng số phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi: 84/84 lớp, tỷ lệ phòng/lớp: 1; trong đó: Số phòng kiên cố: 38/84 phòng, đạt 45,24%; Số phòng bán kiên cố: 46/84 phòng, đạt 54,76%; Số phòng tạm: 0/84 phòng, tỷ lệ 0%; Số phòng học nhờ: 0/84 phòng, tỷ lệ 0%. Có 14/14 xã, thị trấn có trường mầm non đủ phòng học đạt tiêu chuẩn, tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu: Tổng số lớp mẫu giáo 5 tuổi có bộ thiết bị tối thiểu: 84/84 lớp, đạt tỷ lệ 100%. Có 14/14 xã, thị trấn có trường mầm non, mẫu giáo đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp mầm non 5 tuổi, đạt 100%.

- Sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời; nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước: Có 75/75 sân chơi đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, đạt 100%. Có 16/16 trường mầm non đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, đạt: 100%; 14/14 xã/thị trấn có trường mầm non đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, tỷ lệ 100%.

- Đồ chơi ngoài trời: có 32/75 số sân chơi có đồ chơi; tổng số trường mầm non có sân chơi có đồ chơi ngoài trời: 16/16 trường mầm non, đạt 100%; có 14/14 xã, thị trấn có trường mầm non có sân chơi ngoài trời có đồ chơi, đạt 100%.

- Nguồn nước và hệ thống thoát nước: Có 84/84 lớp 5 tuổi có nguồn nước sạch, đạt tỷ lệ 100%; tổng số trường có nguồn nước sạch: 16/16 trường, đạt tỷ lệ 100%; có 14/14 xã, thị trấn có trường mầm non có nguồn nước sạch, có hệ thống thoát nước đảm bảo yêu cầu, đạt 100%.

- Tổng số trường có CTVS: 16/16 trường, đạt tỷ lệ 100%.

- Có 14/14 xã, thị trấn có trường mầm non, mẫu giáo có CTVS sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh, đạt 100%.

Đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: **Đạt.**

2. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (đánh giá theo qui tại Điều 6, Chương II Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ):

Tổng số trẻ em 5 tuổi trên địa bàn: 1.542, số trẻ phải huy động: 1.537; trong đó:

- Số trẻ 5 tuổi ra lớp: 1.537/1.537 cháu, đạt tỷ lệ: 100%.

- Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN năm học 2021-2022: 1.568/1.568, đạt: 100%.

- Có 14/14 xã/thị trấn đạt tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp, đạt: 100%.

- Có 14/14 xã/thị trấn đạt tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, đạt 100%.

Đánh giá: Đạt.

II. Về phổ cập giáo dục xóa mù chữ

1. Về điều kiện

- Đảm bảo huy động đủ giáo viên tham gia dạy các lớp xóa mù chữ tại địa phương.

- Đảm bảo mỗi bậc học ở xã bố trí 01 giáo viên theo dõi và thực hiện công tác PCGD-XMC trên địa bàn.

- Hầu hết các xã, thị trấn có cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm điều kiện thuận lợi cho các lớp xóa mù chữ.

2.2. Về tiêu chuẩn

- Tổng số người ở độ tuổi (15-25): 14.582; Số người biết chữ mức độ 1: 14.471/14.582 người; đạt tỷ lệ: 99,24%; Số người biết chữ mức độ 2: 14.465/14.582 người, đạt tỷ lệ: 99,2%.

- Tổng số người ở độ tuổi (15-35): 29.341; số đã biết chữ mức độ 1: 29.074/29.341 người; đạt tỷ lệ: 99,09%; số người biết chữ mức độ 2: 28.715/29.341 người, đạt tỷ lệ: 97,87%.

- Tổng số người ở độ tuổi (15-60): 54.022; số đã biết chữ mức độ 1: 53.354/54.022 người; tỷ lệ: 98,76%; số người biết chữ mức độ 2: 45.099/54.022 người, đạt tỷ lệ: 83,48%.

Tại thời điểm tháng 10 năm 2022, công tác đạt chuẩn xóa mù chữ: Ở mức độ 1: Có 14/14 xã, thị trấn, tỉ lệ: 100%; có 14/14 xã, thị trấn đạt mức 2, tỉ lệ 100%. Với tỉ lệ này, căn cứ vào quy định tại Điều 17, 18, 19, 20, 21 Nghị định số 20/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và những điều kiện tại quy định tại Điều 6 của Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT thì huyện Sơn Hà đảm bảo đủ điều kiện và tiêu chuẩn để đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận huyện Sơn Hà đạt chuẩn công tác xóa mù chữ mức độ 2.

III. Về phổ cập giáo dục Tiểu học

1. Về điều kiện

a) Đối với giáo viên

- Số giáo viên (*cả ngoại ngữ, Nhạc-họa, thể dục, tin học,...*): 436; tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,32; trong đó: Biên chế: 412 giáo viên; hợp đồng: 24 người; nữ: 295 người; dân tộc: 100 người.

- Số giáo viên đạt chuẩn trở lên: 436/436 người; tỉ lệ: 100%;

- Số giáo viên trên chuẩn: 403/436 người (trong đó: CĐSP: 98; ĐHSP: 305; trên ĐH: 0); tỉ lệ: 92,43%.

- Số giáo viên dưới THSP: Không.

- Số giáo viên chuyên biệt và giáo viên tổng phụ trách đội: 105 giáo viên; trong đó: Âm nhạc: 19 giáo viên; Mĩ thuật: 14 giáo viên; Thể dục: 30 giáo viên; Ngoại ngữ: 29 giáo viên; Khác: 01 giáo viên; Tin học: 12 giáo viên; TPT đội: 09 giáo viên.

- Nhân viên: 06 người.

- Có 436/436 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, tỉ lệ: 100%.

- Có 14/14 xã, thị trấn phân công giáo viên theo dõi và thực hiện công tác PCGD Tiểu học tại địa bàn.

b) Về cơ sở vật chất

- Tổng số phòng học: 369 phòng; trong đó: phòng kiên cố: 202 phòng, phòng bán kiên cố: 158 phòng; phòng tạm: 04 phòng; phòng mượn: 05 phòng; đạt tỉ lệ: 01 phòng/lớp.

- Phòng chức năng: 92 phòng, trong đó: Ban giám hiệu: 29 phòng; Văn phòng: 11 phòng; Thư viện: 14 phòng; Đội: 10 phòng; Phòng Y tế: 08 phòng; Thiết bị - ĐDDH: 10 phòng; Phòng họp: 10 phòng.

- Công trình vệ sinh: 80 công trình (*học sinh: 52 công trình, giáo viên: 28 công trình*).

- Sân chơi: 61, diện tích: 207.012m²; bãi tập: 17, diện tích: 12.894 m²; tỉ lệ diện tích so với khuôn viên trường tương đối đảm bảo.

- Có mạng lưới trường, lớp phù hợp; điều kiện giao thông đảm bảo cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn.

- Có số phòng học đạt tỉ lệ 01phòng/lớp; Phòng học an toàn; có bảng, đủ bàn ghế cho học sinh, giáo viên; đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi.

- Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT, ngày 16/7/2009 và Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT, ngày 05/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1. Trường học có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục; phòng truyền thống và hoạt động Đội; có sân chơi, sân tập an toàn, được sử dụng thường xuyên.

- Sân chơi, bãi tập với diện tích phù hợp; trường học xanh, sạch, đẹp; an toàn; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ; học sinh và giáo viên, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện.

2. Về tiêu chuẩn

- Tổng số trẻ 6 tuổi: 1.573 em; số phải phổ cập: 1.567 em; số đi học lớp 1: 1.567/1.567 em; đạt tỉ lệ: 100%.

- Tổng số trẻ 11 tuổi: 1.549 em; số phải phổ cập: 1.503 em; số hoàn thành chương trình Tiểu học là: 1.409/1.503 em, đạt tỉ lệ: 93,75%. Còn 94 em đang học Tiểu học, tỷ lệ 6,25%.

- Số học sinh từ 11 đến 14 tuổi HTCT: 6.005/6.116 em, tỷ lệ: 98,19%.

Toàn huyện có 14/14 xã đạt mức 3, đạt tỉ lệ: 100%; đối chiếu tỉ lệ này với những tiêu chuẩn qui định tại các Điều 7, 8, 9, 10 và 11 Nghị định 20/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và những điều kiện tại Điều 4 của Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT thì huyện Sơn Hà đảm bảo đủ điều kiện và tiêu chuẩn đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận huyện duy trì đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học ở mức độ 3 tại thời điểm tháng 10 năm 2022.

IV. Về phổ cập giáo dục Trung học cơ sở:

1. Về điều kiện

a) Về giáo viên

- Số giáo viên (*cả ngoại ngữ, tin học, Nhạc-Họa, thể dục...*): 284; tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,9; trong đó biên chế: 268 người; hợp đồng: 16 người; nữ: 176 người; dân tộc: 57 người.

- Số giáo viên đạt chuẩn trở lên: 284/284 người; tỉ lệ: 100%.

- Số giáo viên trên chuẩn: 248/284 người (trong đó: trên đại học: 02 người; ĐH: 246 người); tỉ lệ: 87,32%.

- Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 284/284 người; tỉ lệ: 100%.

- Nhân viên: 10 người (văn phòng: 05 người; thiết bị-thí nghiệm: 0; thư viện: 01 người; y tế: 04 người).

- Có 14/14 xã, thị trấn phân công giáo viên theo dõi và thực hiện công tác PCGD THCS tại địa bàn.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tổng số phòng học: 148; đạt tỉ lệ: 0,97 phòng/lớp; trong đó: phòng kiên cố: 134 phòng, phòng bán kiên cố: 14 phòng, phòng tạm: 0.

- Phòng chức năng: 86 phòng; trong đó: Phòng Hiệu trưởng: 13 phòng; Phó Hiệu trưởng: 19 phòng; văn phòng: 13 phòng; thư viện - thiết bị: 15 phòng; phòng y tế: 06 phòng; thí nghiệm: 09 phòng; phòng họp: 11 phòng.

- Công trình vệ sinh: 42 công trình (học sinh: 21 công trình, giáo viên: 21 công trình).

- Sân chơi: 17, diện tích: 28.475m²; bãi tập: 11, diện tích: 9.6400m²; tỉ lệ diện tích so với khuôn viên trường đảm bảo.

- Có mạng lưới trường, lớp học đảm bảo thực hiện PCGDTHCS theo quy định; điều kiện giao thông đảm bảo cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn.

- Có số phòng học đạt tỉ lệ 0,97 phòng/lớp. Phòng học đảm bảo an toàn; có bảng, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, giáo viên; đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có tương đối đầy đủ các phòng chức năng.

- Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về ban hành danh mục dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng và thuận tiện. Trường học có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục; phòng truyền thông và hoạt động đội...

- Có sân chơi, bãi tập với diện tích phù hợp; trường học xanh, sạch, đẹp; an toàn; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ; học sinh, giáo viên, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện.

2. Về tiêu chuẩn

- Toàn huyện có 14/14 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn PCDGTH ở mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ ở mức 2.

- Tổng số thanh thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi: 5.916 người, số phải phổ cập: 5.793 người.

- Số thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 5.298/5.793 người, đạt tỉ lệ: 91,46%.

- Số thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi đã, đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc cấp GDNN là 3.428/5.793 người, tỉ lệ: 59,17%.

Toàn huyện có 14/14 xã đạt mức 2, tỉ lệ: 100%; đối chiếu tỉ lệ này với những tiêu chuẩn tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16 của Nghị định 20/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và điều kiện tại Điều 5 của Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT thì huyện Sơn Hà đảm bảo đủ điều kiện đề nghị UBND tỉnh kiểm tra công nhận huyện đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở ở mức độ 2 tại thời điểm tháng 10 năm 2022.

V. Tổng hợp kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC theo các mức độ như sau:

TT	Nội dung	Số xã, thị trấn đạt chuẩn mức độ			Kết quả đạt chuẩn chung toàn huyện
		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	
1	PCGDMNTNT	14			Đạt
2	Công tác xóa mù chữ	14	14	0	02
3	PCGD Tiểu học	14	14	14	03
4	PCGD THCS	14	14	0	02

Qua kiểm tra tại các xã, thị trấn đều đủ điều kiện và tiêu chuẩn công nhận duy trì đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. UBND huyện Sơn Hà kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra công nhận huyện Sơn Hà đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại thời điểm tháng 10 năm 2022 (có báo cáo của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục huyện kèm theo).

Kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi và Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm, tạo điều kiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở GD&ĐT;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT. *km*



CHỦ TỊCH

Đinh Thị Trà